

Bản án số: 778/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22-12-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tố Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Kim Em

2. Bà Hồ Thị Lệ Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Loan - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 22 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 577/2020/TLST-HNGĐ, ngày 07/10/2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 260/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1986 (xin xét xử vắng mặt)

Thường trú: ấp A, xã T, huyện Đ, tỉnh C.

Tạm trú: Đường số 0, Tổ 00, Khu phố 0, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Bùi Quốc T, sinh năm 1982 (xin xét xử vắng mặt)

Thường trú: Đường số 0, Tổ 00, Khu phố 0, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 28/9/2020 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, các bản tự khai, biên bản hòa giải thì nội dung vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà H và ông T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 187, quyển số 01/2012 ngày 20/12/2012. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng được 4 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau, hay cãi vã. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng hòa giải mâu thuẫn và nỗ lực hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn không hòa giải được. Bà H và ông T ly thân đã hơn 4 năm nay. Nay bà H xác nhận tình cảm giữa bà H với ông T không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: bà H khai có 01 con chung tên là Bùi Phương V, sinh ngày 15/11/2013, hiện nay đang ở với bà H, khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: Bà H khai không có.

* Ông Bùi Quốc T xin vắng mặt và có lời khai ngày 03/11/2020 đồng ý với bà H về quan hệ hôn nhân, đồng ý ly hôn với bà H.

- Về con chung: Ông T xác nhận có 01 con chung tên là Bùi Phương V, sinh ngày 15/11/2013, hiện nay đang ở với bà H, khi ly hôn ông T đồng ý để bà H nuôi con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: Ông T khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Quốc T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn ông Bùi Quốc T có nơi cư trú tại Quận 7 nên căn cứ khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu xin xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 187, quyền số 01/2012 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/12/2012, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Quốc T là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn gia đình: Bà H và ông T kết hôn năm 2012. Theo bà H, do hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, đã nhiều lần hòa giải nhưng không được. Nay bà H không còn tình cảm với ông T, cuộc sống hôn nhân không như ý, nên bà H yêu cầu ly hôn với ông T. Ông T có lời khai đồng ý ly hôn với bà H.

Xét, giữa bà H và ông T phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cãi vã, hai người sống chung một nhà nhưng không còn tình cảm, hiện nay mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến đời sống của nhau là mâu thuẫn đã đến lúc trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc bà H yêu cầu ly hôn với ông T và ông T cũng đồng ý ly hôn với bà H là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[2.3] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh (bản sao y) số 07, quyền số 01/2014, ngày 06/01/2014 được cấp bởi Ủy ban nhân dân xã Thanh Tùng, huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau, có cơ sở để xác định bà H và ông T có 01 con chung tên là Bùi Phương V, sinh ngày 15/11/2013, hiện nay trẻ Vy đang ở với bà H, bà H có nguyện vọng được nuôi con chung, ông T đồng ý để bà H nuôi con, và trẻ Bùi Phương V cũng có nguyện vọng được ở với mẹ là bà H nên phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, do đó Hội đồng xét xử giao trẻ Bùi Phương V, sinh ngày 15/11/2013 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trẻ thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có, nên Hội đồng xét xử

không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 các Điều 207, 266; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, Điều 81, các Điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Bùi Quốc T.

[1.2] Về con chung: Giao trẻ Bùi Phương V, sinh ngày 15/11/2013 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trẻ thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H không yêu cầu ông Bùi Quốc T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Bùi Quốc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

[1.3] Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

[2] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu. Bà Nguyễn Thị H đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0041559 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.

[3] Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Quốc T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.7;
- Chi cục THADS Q.7;
- UBND p. Tân Hưng, Q.7;
- Dương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Tố Nhân